

Số: 44/2025/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 25 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ
sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của
Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất
và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của
Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Nghị định 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính
phủ về quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp
trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo
trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng;

Xét Tờ trình số 9331/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân
dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ liên
kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ
sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp (sau đây gọi là sản phẩm
nông nghiệp) trên địa bàn tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị
định số 98/2018/NĐ-CP.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác (sau đây gọi chung là nông dân).
- b) Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cá nhân).
- c) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã).
- d) Doanh nghiệp.
- đ) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 2. Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

1. Điều kiện hỗ trợ

Dự án liên kết/kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- a) Dự án liên kết/kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định và đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 11 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.
- b) Quy mô dự án liên kết/kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết đối với từng ngành hàng, sản phẩm được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Đối với mỗi dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết, các bên tham gia liên kết ở nội dung nào thì được hưởng chính sách hỗ trợ ở nội dung đó, thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng liên kết. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào các nội dung liên kết theo hợp đồng trong dự án/kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết để quyết định hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

b) Trường hợp cùng một thời điểm, nội dung, địa bàn triển khai nếu có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác nhau, đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất.

c) Các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ phải đảm bảo đầy đủ điều kiện được hỗ trợ và hồ sơ thanh toán theo quy định.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết: Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, bao gồm: Tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch

sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường. Mức hỗ trợ tối đa 250 triệu đồng/dự án liên kết hoặc tối đa 100 triệu đồng/kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết.

b) Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết: Dự án liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư mới máy móc, trang thiết bị và xây dựng các công trình hạ tầng đầu tư phục vụ liên kết, bao gồm: Nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ tối đa 6,0 tỷ đồng/dự án liên kết.

c) Hỗ trợ đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ

Hỗ trợ đào tạo nghề: Nội dung và mức hỗ trợ áp dụng theo khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC.

Hỗ trợ kinh phí tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường: Áp dụng theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP. Mức hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết.

d) Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất thông qua dịch vụ tập trung của hợp tác xã.

Hỗ trợ tối đa 100% chi phí mua giống và vật tư thiết yếu đối với địa bàn xã khu vực III theo quy định về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo từng giai đoạn do Chính phủ ban hành; hỗ trợ tối đa 70% chi phí mua giống và vật tư thiết yếu đối với địa bàn còn lại. Mức hỗ trợ tối đa 700 triệu đồng/dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết.

Hỗ trợ 100% chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm. Mức hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết.

đ) Hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi (GAP, hữu cơ, ISO, HACCP,...). Mức hỗ trợ tối đa 450 triệu đồng/dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết.

4. Phương thức hỗ trợ

Thực hiện hỗ trợ sau đầu tư theo hạng mục đầu tư đã hoàn thành được nghiệm thu.

5. Nguồn kinh phí

Từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư và nguồn vốn từ các chương trình, chính sách, dự án hợp pháp khác.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.
2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:
 - a) Nghị quyết số 226/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình về phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2020-2025;
 - b) Nghị quyết số 86/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.
3. Các đối tượng đang được hưởng chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các tỉnh: Phú Thọ, Hoà Bình, Vĩnh Phúc ban hành trước khi sáp nhập tiếp tục thực hiện cho đến khi kết thúc dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết được phê duyệt.
4. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ, Khóa XIX, kỳ họp chuyên đề thứ Tư thông qua ngày 25 tháng 11 năm 2025./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp, Tài chính;
- Cục KTVB và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- ĐU, TTHĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, HC^{2,10}.

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hình

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP
ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 44/2025/NQ-HĐND ngày 25 tháng 11 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

TT	Ngành hàng	Tên sản phẩm	Quy mô liên kết
I	Các sản phẩm chủ lực		
1	Trồng trọt	Lúa chất lượng cao	Dự án/kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết có quy mô từ 50 ha trở lên.
		Cây có múi	Dự án/kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết có quy mô từ 30 ha trở lên.
		Chuối	Dự án/kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết có quy mô từ 30 ha trở lên.
		Chè	Dự án/kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm gắn với xây dựng thương hiệu chè Phú Thọ có quy mô từ 10 ha trở lên (không bao gồm chè đen).
		Mía	Dự án/kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết có quy mô từ 5 ha trở lên.
2	Chăn nuôi	Trâu, bò thịt	Dự án/kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm có quy mô từ 200 con/năm trở lên.
		Lợn thịt	Dự án/kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm có quy mô từ 3.000 con/năm trở lên.
		Dê thịt	Dự án/kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết liên kết có quy mô từ 500 con/năm trở lên.
		Bò sữa	Dự án/kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm có quy mô từ 100 con/năm trở lên.
		Gà thịt	Dự án/kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm có quy mô từ 25.000 con/năm trở lên.
		Gà đẻ trứng	Dự án/kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết sản xuất có quy mô từ 10.000 con/năm trở lên.
3	Thủy sản	Cá nước ngọt	Dự án/kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết có quy mô: - Nuôi cá lồng từ 30 lồng nuôi cá trở lên và thể tích lồng tối thiểu 50m ³ /lồng. - Nuôi trong ao, hồ, đầm, sông có quy mô liên kết từ 10 ha trở lên.

TT	Ngành hàng	Tên sản phẩm	Quy mô liên kết
4	Lâm nghiệp	Tre, bương, luồng, lâm sản ngoài gỗ	Dự án/kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết có quy mô từ 100 ha trở lên.
II Các sản phẩm đặc sản, đặc trưng, có lợi thế			
1	Trồng trọt	Rau, củ, quả	Dự án/kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết sản xuất, sơ chế và tiêu thụ sản phẩm có quy mô từ 5 ha trở lên đối với rau, củ, quả trồng ngoài trời; quy mô từ 2 ha trở lên đối với rau, củ, quả trồng trong nhà màng, nhà lưới
		Dược liệu	Dự án/kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết có quy mô từ 5 ha trở lên.
		Thanh long	Dự án/kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết có quy mô từ 5 ha trở lên.
		Lúa đặc sản	Dự án/kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết có quy mô từ 30 ha trở lên.
2	Chăn nuôi	Gà nhiều cựa	Dự án/kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết có quy mô từ 3.000 con/năm trở lên.
		Ong mật	Dự án/kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ có quy mô từ 1.000 đàn/năm trở lên.
3	Lâm nghiệp	Quế	Dự án/kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết sản xuất, sơ chế và tiêu thụ sản phẩm có quy mô từ 200 ha trở lên.